VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

VY QUỐC PHÁT

THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ TRONG GIAI ĐOẠN KHỞI TỐ, ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN VỀ MA TÚY TRÊN ĐỊA BÀN CÁC TỈNH BIÊN GIỚI VIỆT NAM – LÀO

Chuyên ngành: **Luật hình sự và tố tụng hình sự**
Mã số: **9 38 01 04**

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI – 2026

Công trình được hoàn thành tại:

HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. Đinh Thị Mai**

Phản biện 1: PGS. TS. Trần Đình Nhã

Phản biện 2: PGS. TS. Trương Quang Vinh

Phản biện 3: PGS.TS. Trần Văn Luyện

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng đánh giá Luận án cấp Học viện tại:

Học viện Khoa học Xã hội

Vào hồi…….. giờ, ngày…….tháng…….năm 2026

Có thể tham khảo luận án tại:

- Thư viện Quốc gia
- Thư viện Học viện Khoa học Xã hội Việt Nam

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài luận án

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong tiến trình xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân thì các cơ quan tư pháp nói chung, trong đó có VKSND luôn đóng vai trò quan trọng. Đặc biệt là trong bối cảnh hiện nay, khi đất nước đang bước vào Kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam, với nhiều đổi mới mang tính chiến lược trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội và tư pháp đã đặt ra những yêu cầu mới đối với hoạt động của các Cơ quan tiến hành tố tụng nói chung và VKSND nói riêng, đặc biệt là trong việc thực hiện chức năng THQCT.

Những năm gần đây, dưới sự chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, công cuộc cải cách tư pháp, tinh gọn bộ máy, hiện đại hóa hoạt động quản lý nhà nước, trong đó có hoạt động TTHS, đang được triển khai một cách đồng bộ, sâu sắc và toàn diện. Trong bối cảnh ấy, yêu cầu nâng cao hiệu lực, hiệu quả của các Cơ quan tiến hành tố tụng, đặc biệt là VKSND, ngày càng trở nên cấp thiết. Trong đó, một trong những trọng tâm cần được làm rõ và hoàn thiện chính là hoạt động THQCT – chức năng trung tâm của VKS, đặc biệt là trong giai đoạn khởi tố và điều tra, giai đoạn xác lập cơ sở, nền tảng cho toàn bộ quá trình xử lý vụ án hình sự, đồng thời trong thực tiễn, đây cũng là giai đoạn dễ phát sinh sai phạm và có nguy cơ cao xâm phạm đến quyền con người, quyền công dân. Điều này càng cho thấy tầm quan trọng của hoạt động THQCT trong giai đoạn này, chúng không chỉ đơn thuần là việc thực hiện một chức năng pháp lý được luật định để truy cứu trách nhiệm hình sự người phạm tội mà còn là một cơ chế bảo vệ pháp luật, bảo vệ quyền con người ngay từ khi nhà nước bắt đầu can thiệp vào đời sống cá nhân bằng các biện pháp TTHS. Do đó, chất lượng THQCT ở giai đoạn này có ý nghĩa quyết định trong việc phòng ngừa oan, sai, bỏ lọt tội phạm cũng như bảo đảm quyền con người, quyền công dân.

Đặc biệt, trong bối cảnh tình hình tội phạm ma túy đang diễn biến phức tạp và có xu hướng ngày càng gia tăng cả về quy mô, tính chất, mức độ tinh vi và tổ chức, yêu cầu đặt ra đối với hoạt động THQCT càng trở nên bức thiết hơn bao giờ hết. Tội phạm ma túy là loại tội phạm đặc biệt nguy hiểm, có liên quan đến nhiều tội phạm khác như rửa tiền, buôn bán vũ khí, tổ chức đánh bạc, mua bán người... và thường có yếu tố xuyên quốc gia. Trong nhiều trường hợp, các vụ án ma túy không chỉ đòi hỏi sự vào cuộc kịp thời và kiên quyết của CQĐT, mà cần sự bảo đảm về tính định hướng đúng đắn từ cơ quan THQCT, với vai trò trung tâm trong việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội ngay từ khi tiếp nhận nguồn tin về tội phạm. Trên thực tế, *tuyến biên giới Việt Nam – Lào* là một trong những địa bàn "nóng" về tình hình tội phạm ma túy ở nước ta. Đây là khu vực có đường biên giới dài, hiểm trở, dân cư phân bố thưa, điều kiện kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, trình độ dân trí không đồng đều, đồng thời có nhiều dân tộc thiểu số sinh sống với đặc điểm văn hóa, ngôn ngữ, tập quán riêng biệt. Các tuyến giao thông qua khu vực này, đặc biệt là các tuyến đường bộ và đường mòn lối mở, thường xuyên bị các đường dây ma túy lợi dụng để vận chuyển trái phép chất ma túy từ Tam giác vàng qua Lào vào Việt Nam. Theo số liệu của ngành Kiểm sát, các tỉnh biên giới Việt – Lào chiếm tỷ lệ đáng kể trong tổng số vụ án và bị can ma túy trên cả nước, đặc biệt tập trung tại các tỉnh như Sơn La, Điện Biên, Nghệ An và Thanh Hóa. Trong khi đó, điều kiện tổ chức và thực hiện chức

năng THQCT tại khu vực này còn gặp nhiều khó khăn, cả về nhân lực, vật lực, kỹ thuật nghiệp vụ, sự phối hợp liên ngành và nhiều yếu tố khác.

Trước yêu cầu đó, việc nghiên cứu chuyên sâu, có hệ thống và toàn diện về hoạt động THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án về ma túy tại các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào không chỉ có ý nghĩa lý luận sâu sắc mà còn mang tính thực tiễn cấp thiết. Đây là yêu cầu xuất phát từ chính thực tiễn TTHS, từ sự gia tăng của tội phạm về ma túy, từ yêu cầu cải cách tư pháp. Do đó, việc nghiên cứu đề tài ***"Thực hành quyền công tố trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án về ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào"*** là hết sức cần thiết. Kết quả nghiên cứu sẽ góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật về THQCT; nâng cao chất lượng thực tiễn hoạt động THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án ma túy trên địa bàn, đồng thời, góp phần; góp phần làm rõ vai trò của VKSND trong tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là trong bối cảnh đất nước đang bước vào kỷ nguyên phát triển mới với nhiều đổi mới chiến lược về chính trị, kinh tế, xã hội và tư pháp.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Làm rõ cơ sở lý luận, cơ sở pháp lý và thực tiễn về hoạt động THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án về ma túy tại địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào. Từ đó đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng chất lượng thực tiễn THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án về ma túy trên địa bàn..

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Phân tích, làm rõ những vấn đề lý luận và pháp luật về THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án về ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam - Lào.

- Nghiên cứu, phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án về ma túy của VKSND hai cấp tại các tỉnh trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào, có so sánh, đối chiếu với số liệu của cả nước và một số tỉnh điển hình. Từ đó, chỉ rõ thực tiễn THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án về ma túy trong những năm gần đây, đặc biệt là những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế đó.

- Đề xuất giải pháp, kiến nghị điều chỉnh pháp luật cũng như các điều kiện đảm bảo chất lượng hoạt động THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án về ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào cũng như trên phạm vi toàn quốc trong thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu của đề tài

Những vấn đề lý luận, quy định của pháp luật và thực tiễn thực hiện của hoạt động THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án về ma túy của VKSND hai cấp tại các tỉnh trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào.

3.2. Phạm vi nghiên cứu của đề tài

- Về không gian: Luận án nghiên cứu trong phạm vi 10 tỉnh, thành phố biên giới của Việt Nam có đường biên giới tiếp giáp với nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, gồm: Điện Biên,

Sơn La, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế, Quảng Nam và Kon Tum (các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào). Tại phần phân tích, đánh giá thực tiễn THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án ma túy tại khu vực biên giới Việt Nam – Lào, có so sánh với số liệu tương ứng của toàn quốc và một số tỉnh thành khác.

- Về giai đoạn tố tụng: Luận án chỉ tập trung nghiên cứu giai đoạn khởi tố và điều tra trong quá trình TTHS, từ khi giải quyết TG, TBTP, KNKT cho đến khi CQĐT ban hành kết luận điều tra vụ án. Luận án không nghiên cứu các giai đoạn truy tố, xét xử và thi hành án.

- Về chủ thể của hoạt động THQCT: Luận án chỉ giới hạn trong phạm vi nghiên cứu hoạt động THQCT của VKS và KSV nói chung (không nghiên cứu riêng đối với hoạt động của KSV giữ chức vụ Viện trưởng, Phó Viện trưởng); hoạt động THQCT của VKSND hai cấp tại địa phương (không bao gồm hoạt động của hệ thống VKS quân sự).

- Về thời gian: Luận án tập trung phân tích, đánh giá thực trạng THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án ma túy tại khu vực biên giới Việt Nam – Lào trong khoảng thời gian từ năm 2018 đến năm 2024. Phần khái quát tình hình tội phạm ma túy có so sánh với giai đoạn trước đó (2013–2017) để làm rõ bối cảnh phát sinh, diễn biến và xu hướng phát triển của loại tội phạm này, từ đó tạo cơ sở đánh giá đầy đủ hơn về hoạt động THQCT trong bối cảnh hiện nay.

4. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

4.1. Về mặt lý luận:

Luận án đã góp phần bổ sung, phát triển những vấn đề lý luận về khoa học hình sự, TTHS và khoa học pháp lý chuyên ngành kiểm sát, đặc biệt là trong THQCT trong quá trình khởi tố và điều tra các vụ án ma túy tại khu vực biên giới Việt Nam – Lào; thống nhất nhận thức về THQCT trong khởi tố, điều tra các vụ án về ma túy, đồng thời phân tách rõ ràng giữa nhiệm vụ của THQCT với kiểm sát trong giai đoạn khởi tố, điều tra.

4.2. Ý nghĩa thực tiễn

Luận án đã góp phần làm rõ cơ sở thực tiễn về THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án về ma túy tại các tỉnh biên giới Việt Nam - Lào, từ đó nhận diện được các khó khăn, thách thức đặt ra cho VKS trong bối cảnh tình hình tội phạm ma túy ngày càng diễn biến phức tạp.

Luận án đã phân tích, đánh giá thực trạng quy định pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật trong hoạt THQCT, chỉ ra những tồn tại, hạn chế và làm rõ các nguyên nhân của tồn tại, hạn chế. Trên cơ sở đó, luận án đã đề xuất các giải pháp khả thi nhằm nâng cao chất lượng THQCT trong điều kiện đặc thù của loại vụ án và khu vực biên giới. Các kết quả nghiên cứu của luận án có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho cán bộ thực tiễn, học viên, sinh viên ngành Kiểm sát khi nghiên cứu chuyên sâu về THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra hoặc về đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Phương pháp luận của luận án dựa trên nền tảng triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cùng với những quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước trong công tác phòng, chống tội phạm nói chung và tội phạm ma túy nói riêng.

Luận án này thuộc chuyên ngành Luật hình sự và Luật TTHS, sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như sau:

- Phương pháp thu thập và phân tích tài liệu liên quan: Phương pháp này giúp làm rõ tổng quan tình hình nghiên cứu và xây dựng các cơ sở lý luận về việc THQCT trong quá trình điều tra các tội phạm ma túy.

- Phương pháp thống kê, phân tích, so sánh và điều tra xã hội học: Được áp dụng để thống kê dữ liệu, phân tích tài liệu, báo cáo tổng kết và hồ sơ vụ án liên quan đến các tội phạm ma túy. Từ đó, tổng hợp các ưu, nhược điểm và các khó khăn, vướng mắc trong công tác THQCT tại các tỉnh biên giới Việt Nam - Lào và so sánh với thực tiễn ở một số quốc gia khác.

- Phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình: Phương pháp này được dùng để phân tích các vụ án cụ thể tại một số địa phương, qua đó nhận diện các ưu và khuyết điểm phổ biến trong công tác THQCT liên quan đến điều tra các tội phạm ma túy.

- Phương pháp trao đổi với chuyên gia: Nhằm thu thập kinh nghiệm và kiến thức từ các chuyên gia trong lĩnh vực THQCT trong điều tra các vụ án ma túy thông qua các buổi tọa đàm và thảo luận chuyên sâu.

- Phương pháp khảo sát thực tế: được tiến hành thông qua hình thức phỏng vấn trực tiếp người tiến hành tố tụng (chủ yếu là Kiểm sát viên tại một số tỉnh biên giới Việt Nam – Lào). Thông qua khảo sát này, luận án ghi nhận những đánh giá thực tế về những khó khăn khi THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra. Đây là nguồn thông tin định tính quan trọng, góp phần củng cố các lập luận và giải pháp của luận án từ góc nhìn thực tiễn ngành.

6. Đóng góp mới về khoa học của luận án

Luận án là công trình chuyên sâu, mang tính hệ thống, toàn diện về lý luận và thực tiễn THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án ma túy tại các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào, với những đóng góp mới cho khoa học chuyên ngành. Cụ thể: (1) Làm rõ khái niệm, đặc điểm và các vấn đề lý luận của hoạt động này; (2) Làm rõ lý luận về THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra đối với các vụ án ma túy ở khu vực biên giới; (3) Phân tích thực trạng pháp luật và những thách thức trong THQCT tại địa bàn có tính chất phức tạp; (4) Khảo sát, đánh giá thực tiễn trong giai đoạn 2018–2024, chỉ ra kết quả đạt được và các bất cập cần khắc phục; (5) Đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao chất lượng của hoạt động này trong thực tiễn.

7. Cấu trúc của Luận án

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu.

Chương 2: Những vấn đề lý luận về THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án về ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào.

Chương 3: Cơ sở pháp lý và thực tiễn THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án về ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào.

Chương 4: Yêu cầu và giải pháp nâng cao chất lượng THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu ở nước ngoài

Tổng quan tình hình nghiên cứu ở nước ngoài được chia thành các nhóm sau:

1.1.1. Nhóm các công trình phân tích mô hình công tố theo hệ thống pháp luật (so sánh mô hình)

1.1.2. Các công trình nghiên cứu về quyền công tố trong mối liên hệ với bảo đảm quyền con người, pháp quyền và kiểm soát quyền lực

1.1.3. Các công trình nghiên cứu kinh nghiệm thực tiễn và chiến lược hoạt động công tố trong đấu tranh chống tội phạm có tổ chức, xuyên quốc gia, đặc biệt là tội phạm ma túy

1.2. Tình hình nghiên cứu trong nước

Tổng quan tình hình nghiên cứu ở trong nước được chia thành các nhóm sau:

1.2.1. Nhóm các công trình khoa học nghiên cứu về các chức năng của Viện kiểm sát, trong đó có chức năng thực hành quyền công tố

1.2.2. Nhóm các công trình nghiên cứu về tội phạm về ma tuý và công tác phòng, chống ma tuý trong khu vực và trong nước, bao gồm các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào

1.2.3. Nhóm các công trình nghiên cứu về thực hành quyền công tố trong giai đoạn khởi tố, điều tra vụ án hình sự và trong các vụ án hình sự về ma tuý

1.3. Nhận xét về tình hình nghiên cứu

1.3.1. Những ưu điểm, những nội dung nghiên cứu đã sáng tỏ và được luận án kế thừa, phát triển trong nghiên cứu đề tài

Các công trình nghiên cứu hiện tại, dù ở trong nước hay nước ngoài, đã cung cấp những cơ sở lý luận và thực tiễn quan trọng, giúp nghiên cứu sinh có nền tảng để tiếp tục phát triển và đi sâu vào đề tài. Mặc dù số lượng các công trình nghiên cứu liên quan đến THQCT trong TTHS là rất phong phú và đã được tiếp cận từ nhiều góc độ khác nhau, nhưng chưa có công trình nào nghiên cứu một cách hệ thống, đầy đủ và toàn diện về hoạt động THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án về ma túy tại khu vực biên giới Việt Nam – Lào.

- Các ưu điểm và cơ sở nghiên cứu được kế thừa và phát triển bao gồm:

Về VKS và KSV trong quá trình THQCT: Hầu hết các nghiên cứu đã đề cập đến VKS như là chủ thể quan trọng trong THQCT, đặc biệt là trong giai đoạn khởi tố và điều tra. Tuy nhiên, QCT thực chất được thực hiện thông qua vai trò của KSV. Các công trình này tạo tiền đề để nghiên cứu sinh làm rõ khái niệm về vai trò của KSV trong việc thực hiện QCT, từ đó có cái nhìn chi tiết về hoạt động này trong bối cảnh các vụ án ma túy tại khu vực biên giới Việt Nam – Lào. Đây là cơ sở lý luận quan trọng, giúp tác giả luận án có nền tảng để phân tích sâu hơn về chức năng và vai trò của VKS và KSV trong quá trình THQCT tại các tỉnh biên giới này.

Về những nghiên cứu cụ thể về hoạt động của KSV trong giai đoạn khởi tố, điều tra, mặc dù chỉ một số ít công trình tập trung nghiên cứu về hoạt động của KSV trong quá trình thực hiện QCT, những nghiên cứu này vẫn mang lại những đóng góp quan trọng. Các nghiên cứu này, dù chỉ dừng lại ở một số hoạt động cụ thể hoặc một giai đoạn nhỏ của quy trình tố tụng, đã cung cấp nền tảng quan trọng để tác giả luận án có thể mở rộng và phát triển nội dung, làm rõ hơn quá trình THQCT trong các vụ án ma túy phức tạp tại khu vực biên giới Việt Nam – Lào.

Về các công trình nghiên cứu nước ngoài về cơ quan công tố và THQCT: Những nghiên cứu quốc tế cung cấp một cái nhìn toàn diện và so sánh về cơ quan công tố và các hoạt động THQCT trong hệ thống pháp luật khác nhau. Mặc dù mỗi quốc gia có hệ thống pháp luật và mô hình tố tụng khác nhau, các tài liệu này giúp tác giả có cơ sở để so sánh và đối chiếu, từ đó khái quát hóa được cách thức THQCT trong TTHS tại Việt Nam hiện nay. Đây là yếu tố quan trọng để nghiên cứu sinh phát triển cách tiếp cận đa chiều và so sánh khi nghiên cứu vấn đề THQCT trong các vụ án ma túy tại khu vực biên giới, nơi có đặc thù về địa lý và pháp lý.

Tóm lại, các công trình nghiên cứu đã cung cấp cơ sở lý luận cần thiết để luận án kế thừa và phát triển, từ đó mở rộng phạm vi nghiên cứu sang việc THQCT trong giai đoạn khởi tố và điều tra các vụ án ma túy tại khu vực biên giới Việt Nam – Lào, một lĩnh vực mà chưa có công trình nghiên cứu nào phân tích toàn diện.

1.3.2. Những vấn đề liên quan đến chủ đề luận án nhưng chưa được giải quyết thấu đáo hoặc chưa được đặt ra trong các công trình nghiên cứu đã công bố

Từ việc tổng quan các công trình nghiên cứu đã thực hiện, có thể thấy rằng đề tài "THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án về ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào" vẫn chưa được giải quyết một cách thỏa đáng. Có một số nội dung chính liên quan đến đề tài mà các nghiên cứu hiện tại chưa tập trung làm rõ, cụ thể như sau:

Thứ nhất, khái niệm THQCT của VKS còn có nhiều quan điểm khác nhau, một số công trình khoa học chưa phân biệt rõ giữa QCT với THQCT, thậm chí có sự đồng nhất hai khái niệm này trong cách diễn giải. Điều này dẫn đến sự thiếu thống nhất trong việc xác định bản chất, phạm vi, nội dung và phương thức thực hiện QCT trong TTHS.

Thứ hai, khái niệm "THQCT của VKS trong giai đoạn khởi tố, điều tra" chưa được làm rõ một cách hệ thống. Trong quá trình nghiên cứu và tổng hợp tài liệu, không có tài liệu nào đưa ra khái niệm rõ ràng về THQCT trong giai đoạn này. Hầu hết các nghiên cứu chỉ đề cập đến "hoạt động của VKS" hoặc các "nhiệm vụ, quyền hạn" của KSV trong TTHS, mà không đi sâu vào việc phân tích QCT trong từng giai đoạn cụ thể của quy trình tố tụng. Đây là một khoảng trống về lý luận mà luận án cần phải làm rõ và phát triển.

Thứ ba, có sự tranh luận về mô hình và chức năng của VKS trong TTHS. Hiện tại, có nhiều quan điểm trái chiều về việc duy trì mô hình VKS với cả hai chức năng: THQCT và kiểm sát hoạt động tư pháp, hoặc chuyển đổi sang mô hình VTC. Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng đây là một vấn đề cần được xem xét kỹ lưỡng vì nó ảnh hưởng trực tiếp đến cơ chế THQCT trong giai đoạn khởi tố và điều tra. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu hiện nay chưa có sự đồng thuận hoặc giải quyết thấu đáo vấn đề này.

Thứ tư, thiếu những nghiên cứu đánh giá thực trạng THQCT trong giai đoạn khởi tố và điều tra một cách chi tiết và cụ thể. Các nghiên cứu hiện tại phần lớn chỉ tập trung vào việc đánh giá hoạt động của VKS hoặc KSV qua các số liệu chung như số lượng vụ án đình chỉ hay tuyên không phạm tội. Chưa có nhiều công trình tiến hành khảo sát thực tiễn và đưa ra các chỉ số đánh giá cụ thể về hiệu quả của quá trình THQCT trong các vụ án ma túy tại khu vực biên giới Việt Nam – Lào, một khu vực có tính chất đặc thù và phức tạp.

Thứ năm, các giải pháp mà các nghiên cứu trước đây đã đề xuất phần lớn không còn cập nhật với thực tiễn hiện nay. Với việc BLTTHS, cùng với các luật tổ chức VKS, CQĐT, và Tòa án cũng đang trong quá trình nghiên cứu sửa đổi, những thay đổi về pháp lý này sẽ có tác động lớn đến cơ chế THQCT. Do đó, các giải pháp được đưa ra trong các nghiên cứu trước đây cần phải được phân tích lại, cập nhật, và điều chỉnh cho phù hợp với bối cảnh pháp luật hiện nay. Điều này đòi hỏi các nghiên cứu phải tiếp tục đánh giá, phân tích sâu hơn để đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp trong thời gian tới.

Tóm lại, mặc dù các nghiên cứu hiện tại đã cung cấp nhiều thông tin quan trọng, nhưng vẫn còn nhiều vấn đề liên quan đến đề tài luận án chưa được nghiên cứu kỹ lưỡng và hệ thống. Điều này đặt ra nhiệm vụ cho luận án cần phải làm rõ, bổ sung và phát triển các khái niệm, cơ sở lý luận, và giải pháp để hoàn thiện hơn nữa quy trình THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án ma túy tại khu vực biên giới Việt Nam – Lào.

1.3.3. Những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu trong luận án

Từ phân tích tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án, có thể thấy rằng còn nhiều vấn đề chưa được giải quyết thỏa đáng, để lại những khoảng trống cần được tiếp tục nghiên cứu và làm rõ trong luận án. Cụ thể, các vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu bao gồm:

Thứ nhất, cần làm rõ khái niệm, đặc điểm và những vấn đề lý luận của "QCT" và "THQCT"; làm rõ những vấn đề lý luận như bản chất, phạm vi, đối tượng, nội dung, hình thức… của THQCT. Làm rõ khái niệm, đặc điểm của thực hành quyền công trong giai đoạn khởi tố, điều tra với đặc thù về yếu tố loại tội phạm ma tuý và đặc thù về địa bàn.

Thứ hai, cần lý giải và làm rõ cơ sở pháp lý cho hoạt động THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra.

Thứ tư, nghiên cứu thực trạng THQCT của KSV trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án ma túy tại khu vực biên giới Việt Nam – Lào.

Thứ năm, tìm ra nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế trong THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra.

Thứ sáu, làm rõ những yêu cầu và đề xuất các và giải pháp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra.

Những vấn đề nêu trên là các nội dung quan trọng cần được tiếp tục nghiên cứu, nhằm đảm bảo luận án có thể làm sáng tỏ và đóng góp vào việc hoàn thiện cơ sở lý luận và thực tiễn về THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra, đặc biệt trong bối cảnh tội phạm ma túy tại khu vực biên giới Việt Nam – Lào.

Việc tổng quan các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước cho thấy lĩnh vực THQCT đã được nhiều học giả, nhà nghiên cứu và cơ quan thực tiễn quan tâm nghiên cứu dưới nhiều góc độ: từ chức năng, vai trò của VKS trong TTHS, đến kỹ năng, phương pháp THQCT trong các giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố. Một số công trình đã tiếp cận từ hướng cải cách tư pháp, bảo đảm quyền con người trong TTHS, hoặc phân tích mô hình công tố ở các quốc gia khác, đặc biệt trong các bối cảnh pháp lý khác nhau. Đây là nguồn tư liệu quý báu để luận án kế thừa và phát triển.

Tuy nhiên, vẫn còn những khoảng trống rõ rệt trong nghiên cứu, đặc biệt là việc thiếu vắng các công trình chuyên sâu về hoạt động THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án ma túy tại khu vực biên giới Việt Nam – Lào. Đây là địa bàn có tính chất đặc thù, phức tạp, đòi hỏi sự tham gia chặt chẽ, chủ động và có trách nhiệm cao của KSV ngay từ đầu tiến trình tố tụng. Mặt khác, nhiều công trình hiện hành mới dừng ở việc phân tích chung về QCT, chưa đi sâu vào tính chất đặc thù của tội phạm ma túy cũng như bối cảnh pháp lý, thực tiễn của từng khu vực cụ thể.

Việc xác lập rõ khoảng trống trong nghiên cứu không chỉ là cơ sở để luận án xác định phạm vi và hướng tiếp cận riêng biệt, mà còn khẳng định tính cấp thiết và đóng góp mới của đề tài. Luận án sẽ kế thừa có chọn lọc những giá trị khoa học từ các công trình trước, đồng thời bổ sung các luận cứ mang tính thực tiễn và chuyên sâu, nhằm hoàn thiện hơn lý luận và giải pháp nâng cao hiệu quả THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án ma túy trên địa bàn biên giới Việt Nam – Lào, phù hợp với yêu cầu cải cách tư pháp và phòng, chống tội phạm hiện nay.

Chương 2

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ TRONG GIAI ĐOẠN KHỞI TỐ, ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN VỀ MA TÚY TRÊN ĐỊA BÀN CÁC TỈNH BIÊN GIỚI VIỆT NAM – LÀO

2.1. Những vấn đề lý luận về quyền công tố và thực hành quyền công tố

2.1.1. Những vấn đề lý luận về quyền công tố

2.1.1.1. Khái niệm quyền công tố

Hiện nay có khá nhiều cách hiểu khác nhau về quyền công tố (QCT). Trong luận án này, QCT được định nghĩa như sau: *"Quyền công tố là quyền năng TTHS đặc thù của Nhà nước, được trao cho cơ quan có thẩm quyền nhằm thực hiện hoạt động buộc tội đối với cá nhân hoặc pháp nhân có hành vi phạm tội và bảo vệ quan điểm buộc tội đó trước toà án, thông qua việc thực hiện các quyền tố tụng trong suốt quá trình khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử vụ án hình sự"*.

2.1.1.2. Đặc điểm của quyền công tố

Một là, Quyền công tố mang tính quyền lực nhà nước.

Hai là, Quyền công tố có tính liên tục trong chiều dài lịch sử của mỗi nhà nước và trong suốt quá trình tố tụng hình sự.

Ba là, Quyền công tố có tính độc lập tương đối.

Bốn là, Quyền công tố là một loại quyền đặc thù, chỉ tồn tại trong lĩnh vực tố tụng hình sự.

2.1.1.3. Phạm vi của quyền công tố

- Về không gian, QCT chỉ tồn tại trong lĩnh vực TTHS – nơi Nhà nước thực hiện quyền buộc tội, không mở rộng sang các lĩnh vực khác như dân sự hay hành chính;

- Về thời gian, QCT bắt đầu từ khi phát sinh dấu hiệu tội phạm (giai đoạn tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm) và kết thúc khi bản án có hiệu lực pháp luật, không bao gồm thi hành án hình sự. Đây là một quyền năng mang tính xuyên suốt, phản ánh chức năng buộc tội của Nhà nước trong toàn bộ quá trình tố tụng hình sự.

2.1.1.4. Đối tượng của quyền công tố

Đối tượng của QCT là tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội theo quy định của Bộ luật Hình sự. Đây là những hành vi nguy hiểm cho xã hội, cần bị xử lý bằng quyền lực nhà nước trong tố tụng hình sự. Quyền công tố không áp dụng với các vi phạm dân sự hay hành chính, mà chỉ tập trung vào việc buộc tội và truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội.

2.1.1.5. Bản chất, nội dung của quyền công tố

Xét về bản chất, quyền công tố là quyền năng tố tụng hình sự mang tính buộc tội của Nhà nước, do VKS/VTC thực hiện nhằm truy cứu trách nhiệm hình sự người phạm tội một cách khách quan, đúng pháp luật. *Về nội dung,* quyền công tố bao gồm toàn bộ các quyền năng cụ thể - hoạt động tố tụng mang tính buộc tội từ khi phát hiện dấu hiệu tội phạm đến khi bản án có hiệu lực, thông qua các quyền như: khởi tố, truy tố, buộc tội tại phiên tòa... Đây là quyền mang tính công quyền, cưỡng chế pháp lý cao và thể hiện rõ vai trò của Nhà nước trong việc bảo vệ trật tự pháp luật hình sự.

2.1.1.6. Phân biệt quyền công tố với một số quyền tư pháp khác

Thứ nhất, QCT và quyền điều tra đều xuất hiện ở giai đoạn đầu của TTHS và có chung mục tiêu chính là làm rõ hành vi phạm tội. Tuy nhiên, quyền điều tra là quyền tiến hành các hoạt động thu thập chứng cứ, khám nghiệm, lấy lời khai… mang tính kỹ thuật nghiệp vụ, còn QCT mang tính định hướng pháp lý và là trung tâm của trách nhiệm buộc tội.

Thứ hai, QCT và quyền xét xử đều có chức năng quyết định đối với trách nhiệm hình sự của người bị buộc tội, nhưng hoàn toàn khác biệt về bản chất.

Thứ ba, QCT và quyền bào chữa là hai quyền năng đối lập trong TTHS.

2.1.2. Những vấn đề lý luận về thực hành quyền công tố

2.1.2.1. Khái niệm thực hành quyền công tố

Trên cơ sở làm rõ khái niệm, đặc điểm QCT và kế thừa có chọn lọc những giá trị khoa học cốt lõi của các quan điểm khoa học cũng như xác định những vấn đề còn thiếu sót, chưa toàn diện trong nhận thức, quan điểm khoa học về hoạt động này cũng như những vấn đề liên quan, luận án đưa ra khái niệm về THQCT như sau: *"THQCT là việc cơ quan, người có thẩm quyền nhân danh nhà nước thực hiện các hoạt động tố tụng cần thiết trong giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử theo quy định của pháp luật TTHS để buộc tội, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội và bảo vệ quan điểm buộc tội của mình trước toà án".*

2.1.2.2. Đặc điểm của thực hành quyền công tố

Thứ nhất, THQCT là hoạt động mang tính pháp lý sâu sắc.

Thứ hai, THQCT là hoạt động đặc thù của lĩnh vực TTHS, chỉ được thực hiện trong lĩnh vực TTHS để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội.

Thứ ba, THQCT thường được nhà nước giao cho một cơ quan nhà nước duy nhất, chuyên biệt trong hệ thống nhà nước có thẩm quyền thực hiện, thường là VKS/ VCT.

Thứ tư, THQCT được thực hiện xuyên suốt từ khi vụ án được khởi tố, qua các giai đoạn điều tra, truy tố cho đến giai đoạn xét xử.

Bên cạnh khái niệm, đặc điểm, luận án còn làm rõ những vấn đề lý luận quan trọng về thực hành quyền công tố, những vấn đề này được trình bày trong các tiểu mục cụ thể sau đây:

2.1.2.3. Chủ thể của thực hành quyền công tố: VKS, KSV.

2.1.2.4. Bản chất của thực hành quyền công tố

2.1.2.5. Nội dung, hình thức thực hành quyền công tố

2.1.2.6. Phạm vi, đối tượng của thực hành quyền công tố

2.1.2.7. Mục đích của thực hành quyền công tố

2.1.2.8. Mối quan hệ của thực hành quyền công tố với hoạt động điều tra và kiểm sát hoạt động tư pháp trong giai đoạn khởi tố, điều tra.

a) Mối quan hệ giữa thực hành quyền công tố và hoạt động điều tra

b) Mối quan hệ giữa THQCT và kiểm sát hoạt động tư pháp trong vụ án hình sự

2.2. Khái niệm, đặc điểm về các tội phạm về ma tuý và các vụ án về ma tuý

2.2.1. Khái niệm, đặc điểm về các tội phạm về ma túy

2.2.1.1. Khái niệm về tội phạm ma tuý: "Tội phạm ma túy là những hành vi nguy hiểm cho xã hội, được quy định trong Bộ luật Hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy và bị xử lý bởi các chế tài nghiêm khắc theo quy định của Bộ luật Hình sự, trong đó một số tội danh có mức hình phạt cao nhất là tù chung thân hoặc tử hình".

2.2.1.2. Đặc điểm về các tội phạm về ma tuý

Thứ nhất, tội phạm ma túy có tính chất nguy hiểm cao cho xã hội.

Thứ hai, tội phạm ma túy thường được thực hiện có tổ chức, có tính chuyên nghiệp và xuyên quốc gia.

Thứ ba, tội phạm ma túy có thủ đoạn phạm tội tinh vi, khó phát hiện.

Thứ tư, động cơ chủ yếu của tội phạm ma túy là vụ lợi.

Thứ năm, đối tượng phạm tội ma túy có tính chất đa dạng và thường có tiền án, tiền sự.

2.2.2. Khái niệm, đặc điểm về các vụ án ma tuý

2.2.2.1. Khái niệm về các vụ án về ma tuý: "Vụ án về ma túy là vụ án hình sự có đối tượng bị khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử là người có năng lực trách nhiệm hình sự, đã thực hiện hành vi phạm tội theo quy định của Bộ luật Hình sự, do Cơ quan có thẩm quyền THTT giải quyết, cùng với sự tham gia của các chủ thể liên quan theo quy định của pháp luật TTHS kể từ khi tiếp nhận, giải quyết TG, TBTP, KNKT cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành".

2.2.2.2. Đặc điểm của các vụ án về ma tuý

Thứ nhất, các vụ án ma tuý thường có tính chất phức tạp, quy mô lớn và có tổ chức.

Thứ hai, các vụ án ma túy thường có các thủ đoạn phạm tội tinh vi, khó phát hiện và thu thập chứng cứ.

Thứ ba, nhiều vụ án ma túy liên quan đến yếu tố xuyên quốc gia và các địa bàn trọng điểm, trong đó có các tỉnh biên giới giáp Lào.

Thứ tư, người phạm tội trong các vụ án ma túy thường có tính chất manh động, nguy hiểm, có tính chống đối cao.

Thứ năm, số lượng bị can, bị cáo trong vụ án ma túy thường đông và có vai trò, mức độ tham gia khác nhau.

2.3. Khái niệm, đặc điểm THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra về các vụ án về ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam - Lào

2.3.1. Khái niệm THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra về các vụ án về ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam - Lào

Từ góc độ pháp lý và thực tiễn TTHS, THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án về ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào có thể được hiểu là *"các hoạt động TTHS cần thiết theo quy định của pháp luật, do KSV thực hiện ngay từ khi giải quyết TG, TBTP, KNKT cho đến khi có kết luận điều tra của CQĐT nhằm truy cứu trách nhiệm hình sự đối với một người đã thực hiện hành vi phạm tội về ma túy theo quy định của Bộ luật Hình sự được VKSND hai cấp tại các đơn vị hành chính cấp tỉnh có đường biên giới giáp Lào".*

2.3.2. Đặc điểm THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra về các vụ án về ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam - Lào

Thứ nhất, hoạt động này gắn liền với trách nhiệm buộc tội của Nhà nước nhưng đồng thời bảo đảm quyền con người trong điều kiện đặc biệt.

Thứ hai, hoạt động này vừa mang tính tố tụng – pháp lý, vừa mang tính chính trị – xã hội sâu sắc.

Thứ ba, đây là hoạt động tố tụng có tính chủ động cao, có tính định hướng toàn bộ tiến trình xử lý vụ án ngay từ giai đoạn đầu.

Thứ tư, hoạt động này phải thích ứng với loại tội phạm có tổ chức, xuyên quốc gia, thủ đoạn tinh vi, diễn biến nhanh.

Thứ năm, hoạt động này mang tính liên ngành, liên kết và gắn với điều kiện địa bàn đặc thù.

2.4. Các yếu tố bảo đảm THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra về các vụ án về ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào

Các yếu tố bảo đảm gồm:

2.4.1. Bảo đảm về thể chế pháp lý

2.4.2. Bảo đảm về tổ chức bộ máy và năng lực đội ngũ kiểm sát viên

2.4.3. Bảo đảm về cơ sở vật chất, điều kiện về kỹ thuật nghiệp vụ

2.4.4. Bảo đảm về cơ chế phối hợp liên ngành và hợp tác quốc tế

2.4.5. Bảo đảm về chính trị – xã hội – văn hóa – dân trí tại địa bàn

2.5. So sánh chính sách pháp luật hình sự về tội phạm ma túy giữa Việt Nam và Lào

Những vấn đề luận án tập trung phân tích, so sánh gồm:

2.5.1. Sự tương đồng về chính sách hình sự giữa Việt Nam và Lào đối với tội phạm ma túy

2.5.2. Những khác biệt cơ bản trong chính sách và pháp luật hình sự giữa hai quốc gia

2.5.3. Tác động của sự khác biệt chính sách pháp luật này đến hoạt động THQCT trong các vụ án về ma túy tại Việt Nam

Chương 3

CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ THỰC TIỄN THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ TRONG GIAI ĐOẠN KHỞI TỐ, ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN VỀ MA TÚY TRÊN ĐỊA BÀN CÁC TỈNH BIÊN GIỚI VIỆT NAM – LÀO

3.1. Cơ sở pháp lý của hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án về ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam - Lào

3.1.1. Hiến pháp năm 2013

Hiến pháp năm 2013 – văn bản có giá trị pháp lý cao nhất trong hệ thống pháp luật Việt Nam quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ và nguyên tắc tổ chức hoạt động của VKSND đã được ghi nhận và xác định một cách rõ ràng, nhất quán.

3.1.2. Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014

Cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp, Luật Tổ chức VKSND năm 2014 là văn bản pháp lý quan trọng điều chỉnh trực tiếp tổ chức và hoạt động của VKSND trong hệ thống cơ quan nhà nước.

3.1.3. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015

BLTTHS là đạo luật tố tụng trung tâm của hệ thống pháp luật TTHS Việt Nam, có vai trò định hình toàn bộ cơ chế tổ chức và vận hành của quá trình TTHS. Bộ luật này điều chỉnh những vấn đề cốt lõi như trình tự, thủ tục tiếp nhận và giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; quy định cụ thể về thẩm quyền, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan và người THTT; quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng; và hợp tác quốc tế trong TTHS. Với phạm vi điều chỉnh rộng và toàn diện như vậy, BLTTHS không chỉ là công cụ pháp lý điều hành hoạt động tư pháp hình sự, mà còn là nền tảng pháp lý trực tiếp và duy nhất

quy định cụ thể về hoạt động KSV của VKSND trong từng giai đoạn tố tụng, đặc biệt là trong giai đoạn khởi tố và điều tra.

3.1.4. Các văn bản quy phạm pháp luật khác

Bên cạnh Hiến pháp năm 2013, Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 và Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, hệ thống pháp luật Việt Nam còn bao gồm nhiều đạo luật và văn bản quy phạm pháp luật khác có vai trò quan trọng trong việc xác lập cơ sở pháp lý cho hoạt động thực hành quyền công tố (THQCT) trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án về ma túy, đặc biệt là trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào.

3.2. Khái quát tình hình tội phạm về ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào trong những năm gần đây

Tóm lại, Từ 2018 đến 2024, tình hình tội phạm ma túy tại các tỉnh biên giới Việt–Lào đã gia tăng mạnh về cả số vụ và số đối tượng, vượt trội so với giai đoạn trước. Mặc dù *"các tỉnh Sơn La, Điện Biên, Nghệ An, Thanh Hóa vẫn là trọng điểm phức tạp nhất"*, sự gia tăng nhanh ở các tỉnh khác cho thấy mức độ nguy hiểm của ma túy phủ khắp các tỉnh trên tuyến biên giới này. Xu hướng này đặt ra yêu cầu cấp thiết về tăng cường phối hợp phòng chống ma túy trên toàn tuyến, trọng tâm là việc xử lý triệt để tội phạm mà trung tâm là hoạt động THQCT của VKS. Trong đó, cần tập trung vào các địa bàn trọng điểm đồng thời không bỏ trống các địa bàn "vùng đệm" mới nổi, góp phần đảm bảo an ninh trật tự cho cả khu vực biên giới và nội địa.

3.3. Kết quả thực hành quyền công tố trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào

3.3.1. Kết quả thực hành quyền công tố trong giải quyết tin báo, tố giác tội phạm và kiến nghị khởi tố

3.3.1.1. Thực hành quyền công tố liên quan đến các biện pháp tố tụng có hạn chế quyền con người, quyền công dân

Trong giai đoạn 2018–2024, Viện kiểm sát các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào đã thực hiện hiệu quả chức năng thực hành quyền công tố, đặc biệt trong kiểm sát các biện pháp ngăn chặn. Đáng chú ý, VKS đã không phê chuẩn 72 trường hợp bắt khẩn cấp, không phê chuẩn 61 trường hợp gia hạn tạm giữ và trả tự do cho 56 trường hợp bị giữ không có căn cứ. Dù khối lượng công việc lớn, hoạt động này vẫn được thực hiện tốt, góp phần ngăn ngừa oan sai, phát hiện vi phạm kịp thời từ đầu, bảo đảm quyền con người, quyền công dân và nâng cao chất lượng công tác khởi tố, điều tra các vụ án hình sự.

3.3.1.2. Thực hành quyền công tố trong việc đề ra yêu cầu kiểm tra, xác minh và yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết nguồn tin về tội phạm thực hiện

Trong giai đoạn 2018–2024, Viện kiểm sát nhân dân các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào đã ban hành hơn 40.000 yêu cầu kiểm tra, xác minh nguồn tin về tội phạm ma túy, thể hiện vai trò chủ động, nhạy bén trong định hướng điều tra từ giai đoạn tiền khởi tố. Hoạt động này góp phần xác định rõ dấu hiệu tội phạm, bảo đảm khởi tố đúng người, đúng tội danh, đồng thời khắc phục tình trạng khởi tố vội vàng hoặc bỏ lọt tội phạm. Tuy nhiên, việc triển khai còn gặp khó khăn do đặc điểm địa bàn và hạn chế về ngôn ngữ, thông tin ban đầu không đầy đủ, thiếu chính xác.

3.3.1.3. Thực hành quyền công tố trong việc quyết định gia hạn thời hạn giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố

Trong giai đoạn 2018–2024, VKSND các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào đã ban hành 3.584 quyết định gia hạn giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm ma túy, nhằm bảo đảm đủ thời gian xác minh các vụ việc phức tạp, có yếu tố xuyên quốc gia. Việc chủ động gia hạn đã giúp xử lý thận trọng, tránh khởi tố sai hoặc bỏ lọt tội phạm. Nhiều vụ án nghiêm trọng được làm rõ nhờ gia hạn kịp thời, cho thấy vai trò quan trọng của VKS trong kiểm soát hoạt động điều tra từ sớm.

3.3.1.4. Thực hành quyền công tố trong việc trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố

Giai đoạn 2018–2024, VKSND các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào đã trực tiếp giải quyết 67 nguồn tin về tội phạm ma túy, chủ yếu trong các vụ việc phức tạp, nhạy cảm hoặc có dấu hiệu vi phạm từ phía CQĐT. Việc trực tiếp thụ lý giúp bảo đảm tính khách quan, kịp thời xử lý các hành vi vi phạm, đồng thời thể hiện rõ vai trò trung tâm, chủ động của VKS trong kiểm soát quyền lực tư pháp từ giai đoạn đầu. Tuy nhiên, hoạt động này cũng đối mặt với khó khăn về nhân lực, điều kiện kỹ thuật và cơ chế phối hợp liên ngành.

3.3.2. Thực hành quyền công tố trong việc khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can

3.3.2.1. Thực hành quyền công tố trong việc khởi tố vụ án hình sự, không khởi tố vụ án hình sự, việc thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự.

a) Thực hành quyền công tố đối với quyết định khởi tố vụ án hình sự

Giai đoạn 2018–2024, VKSND các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào đã thực hiện hiệu quả quyền công tố đối với quyết định khởi tố vụ án ma túy, góp phần bảo đảm tính có căn cứ, đúng pháp luật. VKS đã trực tiếp khởi tố 1.248 vụ án, thống nhất với CQĐT trong 37.873 trường hợp và hủy bỏ 140 quyết định khởi tố trái pháp luật. Các KSV thận trọng trong đánh giá chứng cứ, phân tích dấu hiệu tội phạm, thể hiện rõ vai trò kiểm tra, giám sát quyền lực tư pháp, góp phần ngăn chặn oan sai ngay từ giai đoạn khởi tố ban đầu.

b) Thực hành quyền công tố đối với quyết định không khởi tố vụ án hình sự, thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự

Giai đoạn 2018–2024, VKSND hai cấp tại các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào đã thực hiện hiệu quả quyền công tố đối với quyết định không khởi tố, thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự. VKS đã yêu cầu khởi tố 917 vụ án, trực tiếp khởi tố 84 vụ, trong đó có 132 vụ ma túy và 17 trường hợp hủy quyết định không khởi tố trái pháp luật. Hoạt động này thể hiện tinh thần trách nhiệm, sự thận trọng và bản lĩnh nghiệp vụ của Kiểm sát viên trong việc bảo đảm chống bỏ lọt tội phạm, góp phần bảo vệ pháp luật và quyền con người ngay từ giai đoạn đầu tố tụng.

3.3.2.2. Thực hành quyền công tố trong việc xét phê chuẩn quyết định khởi tố bị can và quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can.

Từ năm 2018–2024, VKSND hai cấp tại 10 tỉnh biên giới Việt Nam – Lào đã thực hành quyền công tố đối với 48.094 bị can trong các vụ án ma túy, trong đó trực tiếp khởi tố 1.380 bị can, phê chuẩn 46.684 quyết định khởi tố và không phê chuẩn 30 trường hợp. VKS cũng yêu

cầu điều tra bổ sung trước khi phê chuẩn đối với 287 bị can và yêu cầu khởi tố bổ sung 402 bị can. Hoạt động này góp phần bảo đảm tính chính xác, đầy đủ, hợp pháp của các quyết định khởi tố bị can, phòng ngừa oan sai và nâng cao hiệu quả kiểm soát quyền lực tư pháp.

3.3.3. Thực hành quyền công tố trong việc quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế

3.3.3.1. Thực hành quyền công tố trong việc xét phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp

Từ năm 2018–2024, Viện kiểm sát nhân dân hai cấp tại các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào đã thực hiện hiệu quả hoạt động phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp. Qua khảo sát 462 trường hợp về tội phạm ma túy, có 335 trường hợp (71,51%) được Kiểm sát viên phối hợp với Điều tra viên trực tiếp gặp, hỏi người bị bắt trước khi phê chuẩn. Việc này thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, góp phần ngăn ngừa tình trạng lạm dụng, bảo đảm việc áp dụng biện pháp ngăn chặn đúng căn cứ, đúng pháp luật và bảo vệ quyền con người.

3.3.3.2. Thực hành quyền công tố trong việc xét phê chuẩn lệnh bắt bị can để tạm giam, xét phê chuẩn lệnh tạm giam

Từ năm 2018–2024, Viện kiểm sát nhân dân hai cấp tại các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào đã phê chuẩn 11.426/11.890 lệnh bắt bị can để tạm giam, chiếm 96,1%; từ chối 464 trường hợp (3,9%) do chưa đủ căn cứ. Việc phê chuẩn được thực hiện thận trọng, dựa trên việc kiểm tra kỹ hồ sơ, nhân thân và hành vi bị can. Thực tiễn cho thấy, VKS đã phát huy tốt vai trò kiểm soát quyền lực tư pháp, bảo đảm việc áp dụng biện pháp ngăn chặn nghiêm ngặt, đúng pháp luật, hạn chế oan sai và ngăn ngừa bỏ lọt tội phạm.

3.3.3.3. Thực hành quyền công tố trong việc quyết định áp dụng, thay đổi hoặc huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giam, gia hạn thời hạn tạm giam để điều tra

Trong những năm qua, VKSND hai cấp tại các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào đã nâng cao rõ rệt chất lượng thực hành quyền công tố trong việc áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp tạm giam, gia hạn tạm giam để điều tra. Nhờ sự chỉ đạo sát sao từ VKSND tối cao và việc tổ chức báo cáo định kỳ, các Viện kiểm sát địa phương đã quản lý chặt chẽ từng trường hợp, bảo đảm việc tạm giam có căn cứ, đúng pháp luật. Hoạt động này góp phần khắc phục sai sót, nâng cao hiệu quả kiểm soát quyền lực tư pháp ngay từ giai đoạn điều tra.

3.3.4. Thực hành quyền công tố trong việc đề ra yêu cầu điều tra và trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra khi cần thiết

3.3.4.1. Đề ra yêu cầu điều tra, yêu cầu CQĐT tiến hành một số hoạt động điều tra

Trong những năm qua, hoạt động đề ra yêu cầu điều tra của Kiểm sát viên trong các vụ án ma túy tại khu vực biên giới Việt Nam – Lào đã được chú trọng và nâng cao rõ rệt. Các bản yêu cầu điều tra được xây dựng sát thực tiễn, có tính định hướng cao, giúp CQĐT thu thập chứng cứ toàn diện, đúng trọng tâm, hạn chế việc điều tra bổ sung hoặc oan, sai. Thực tiễn cho thấy chất lượng bản yêu cầu điều tra phản ánh rõ trình độ, trách nhiệm và vai trò chủ động của Kiểm sát viên trong việc bảo đảm điều tra đúng hướng, đúng pháp luật, góp phần nâng cao hiệu quả THQCT.

3.3.4.2. Trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra khi cần thiết

Trong giai đoạn 2018–2024, VKSND các cấp tại khu vực biên giới Việt Nam – Lào đã thực hiện hiệu quả hoạt động điều tra trực tiếp trong các vụ án ma túy, như hỏi cung bị can, lấy lời khai, trưng cầu giám định lại... Qua đó, đã ban hành 623 quyết định trưng cầu giám định để làm rõ các tình tiết quan trọng. Việc chủ động thực hiện các hoạt động điều tra này đã góp phần bổ sung chứng cứ kịp thời, hỗ trợ hiệu quả cho THQCT trong các vụ án ma túy nghiêm trọng, phức tạp, bảo đảm việc truy cứu trách nhiệm hình sự đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

3.3.5. Thực hành quyền công tố trong việc kết thúc điều tra

Từ năm 2018 đến 2024, VKSND các cấp tại khu vực biên giới Việt Nam – Lào đã thực hiện hiệu quả chức năng THQCT trong giai đoạn kết thúc điều tra. Trong số hơn 39.000 vụ án ma túy, chỉ có 0,13% vụ bị đình chỉ và phần lớn đều do bị can chết hoặc mất năng lực trách nhiệm hình sự. VKS đã thận trọng rà soát các quyết định đình chỉ, kịp thời hủy bỏ các trường hợp không có căn cứ và yêu cầu phục hồi điều tra hoặc truy tố, góp phần bảo đảm việc xử lý vụ án đúng pháp luật, không bỏ lọt tội phạm và hạn chế oan sai.

3.4. Nhận xét, đánh giá những ưu điểm, tồn tại, hạn chế trong thực tiễn hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam - Lào

3.4.1. Ưu điểm

Từ năm 2018 đến 2024, việc THQCT trong điều tra tội phạm ma túy tại các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào có 6 ưu điểm nổi bật: (1) Kiểm sát viên được đào tạo bài bản, có trình độ, trách nhiệm cao; (2) Phê chuẩn bắt, giam đúng căn cứ, thận trọng, góp phần chống oan sai; (3) Chủ động phối hợp mở rộng điều tra, xử lý kịp thời các vụ án nghiêm trọng; (4) Gắn kết chính trị - pháp luật, xử lý phù hợp thực tiễn địa phương; (5) Phối hợp tốt với CQĐT, kiến nghị khắc phục vi phạm; (6) Chú trọng phòng ngừa tội phạm qua án điểm và kiến nghị với chính quyền.

3.4.2. Tồn tại hạn chế

Từ năm 2018 đến 2024, việc THQCT trong điều tra tội phạm ma túy tại các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào còn một số tồn tại, hạn chế trong các hoạt động cụ thể sau:

3.4.2.1. Trong thực hành quyền công tố tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm

Hoạt động THQCT trong giải quyết tin báo tố giác tội phạm, kiến nghị khởi tố các vụ án ma tuý tuy đã đạt nhiều kết quả tích cực nhưng vẫn còn hạn chế như:

Thứ nhất, một số trường hợp bắt khẩn cấp sau đó trả tự do vì không đủ căn cứ khởi tố, xử lý hình sự; tạm giữ, gia hạn tạm giữ không có căn cứ vẫn còn xảy ra. Trong giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2024, trên địa bàn được nghiên cứu, vẫn còn một số ít trường hợp tạm giữ hình sự sau đó trả tự do và không khởi tố.

Thứ hai, việc đề ra yêu cầu tiếp nhận, kiểm tra, xác minh, ra quyết định giải quyết; yêu cầu kiểm tra, xác minh; yêu cầu khởi tố vụ án hình sự; việc hủy bỏ quyết định tạm giữ, quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định tạm đình chỉ giải quyết nguồn tin về tội phạm và các quyết định tố tụng khác trái pháp luật của Cơ quan có thẩm quyền điều tra; việc trực tiếp tiến hành kiểm tra, xác minh; cũng như số lần kiến nghị xử lý vi phạm… của VKSND các cấp đối với các Cơ quan có thẩm quyền điều tra, ĐTV, Cán bộ điều

tra còn ít so với yêu cầu thực tiễn; đồng thời đối với những trường hợp VKSND trực tiếp tiến hành kiểm tra, xác minh, thì kỹ năng, nghiệp vụ kiểm tra, xác minh của KSV, KTV còn chưa đáp ứng được yêu cầu.

Thứ ba, thực tiễn việc trưng cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản trong một số trường hợp còn bị chậm trễ hoặc chưa đầy đủ nên vẫn còn để xảy ra tình trạng tồn đọng, kéo dài hoặc quá hạn giải quyết TG, TBTP, KNKT.

Thứ tư, hoạt động giải quyết TG, TBTP, KNKT của một số VKSND trên địa bàn còn chưa thực sự đạt hiệu quả cao, bởi hoạt động phát hiện vi phạm pháp luật trong hoạt động kiểm tra, xác minh TG, TBTP, KNKT hoặc có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm của VKSND trên thực tế còn ít; khi phát hiện có vi phạm lại không có đủ lực lượng, kinh nghiệm trực tiếp kiểm tra, xác minh, thu thập, củng cố chứng cứ, tài liệu, đồ vật để làm rõ những tình tiết quan trọng liên quan đến những vấn đề phải chứng minh trong các vụ án ma túy.

Thứ năm, việc đề ra yêu cầu kiểm tra, xác minh hoặc xác minh và phát hiện khó khăn, vướng mắc trong tiếp nhận, giải quyết TG, TBTP, KNKT còn có hạn chế, chưa bảo đảm tính thường xuyên, chất lượng chưa cao do khi THQCT, kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết TG, TBTP, KNKT, các KSV, KTV còn phụ trách nhiều công việc khác nên chưa thể nghiên cứu kỹ các nội dung trong TG, TBTP, KNKT và các tài liệu có liên quan.

3.4.2.2. Trong hoạt động khởi tố vụ án, khởi tố bị can; phê chuẩn quyết định khởi tố bị can

a) Chất lượng của hoạt động khởi tố vụ án, khởi tố bị can; phê chuẩn quyết định khởi tố bị can của CQĐT, Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra vẫn còn một số hạn chế:

Thứ nhất, việc yêu cầu cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra để có căn cứ trước khi khởi tố vụ án hoặc yêu cầu thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự còn chưa thực sự hiệu quả. Một số vụ việc Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra đã không ra quyết định trưng cầu giám định chất ma tuý trước khi quyết định khởi tố vụ án hình sự theo đúng quy định của BLTTHS về trường hợp bắt buộc phải trưng cầu giám định khi cần xác định chất ma tuý, đây là căn cứ quan trọng quyết định cho việc khởi tố vụ án hoặc không khởi tố vụ án hình sự. Có trường hợp Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra khởi tố vụ án với một tội danh, nhưng sau khi chuyển hồ sơ sang Cơ quan có thẩm quyền điều tra thì CQĐT lại phải ra quyết định thay đổi quyết định khởi tố vụ án về một tội danh khác.

Thứ hai, một số vụ việc có dấu hiệu của tội phạm về ma túy nhưng CQĐT không khởi tố, khởi tố chậm hoặc khởi tố không có căn cứ, không đúng với hành vi mà các đối tượng đã thực hiện hoặc có trường hợp CQĐT ra quyết định khởi tố bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự không đúng với quy định của BLTTHS nhưng VKSND không phát hiện được, hoặc có phát hiện nhưng không kịp thời, không sử dụng triệt để và có hiệu quả các quyền năng pháp lý thuộc nội dung THQCT để khởi tố hoặc yêu cầu khởi tố vụ án, khởi tố bị can hoặc hủy bỏ các quyết định khởi tố không có căn cứ của CQĐT.

Thứ ba, trong hoạt động khởi tố vụ án, đối với các trường hợp không khởi tố vụ án hình sự, mặc dù VKS các cấp đã có nhiều cố gắng để hạn chế việc bỏ lọt tội phạm nhưng hiệu quả thực tiễn vẫn chưa được như mong muốn.

Trong hoạt động khởi tố vụ án, mặc dù VKS các cấp đã có nhiều cố gắng để hạn chế bỏ lọt tội phạm, nhưng thực tiễn cho thấy vẫn còn một số vụ việc điển hình cho thấy việc nhận diện tội phạm chưa toàn diện.

Có vụ án mặc dù có nhiều bị can, thực hiện nhiều hành vi phạm tội nhưng trong quá trình THQCT, KSV được phân công giải quyết vụ án lại không xây dựng Kế hoạch THQCT, kiểm sát điều tra (theo mẫu Số 15/HS); Báo cáo tiến độ điều tra vụ án (theo mẫu số 10/HS); không đề ra bản yêu cầu điều tra theo theo Quy chế Công tác THQCT, kiểm sát việc khởi tố, điều tra và truy tố ban hành kèm theo Quyết định số 111/QĐ-VKSTC ngày 17/4/2020 của Viện trưởng VKSND tối cao. KSV chưa nghiên cứu kỹ, chưa đánh giá kỹ lưỡng các tài liệu, chứng cứ về các hành vi của người phạm tội để xác định đây đủ tội phạm và xác định tình tiết định khung tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên dẫn đến bỏ lọt tội phạm.

Thực tiễn hoạt động điều tra phá án cho thấy, không phải mọi trường hợp, việc xác định tội phạm và người phạm tội đều dễ dàng. Có những trường hợp ngay từ đầu đã xác định được vụ việc có dấu hiệu tội phạm và CQĐT đã áp dụng các biện pháp nghiệp vụ cần thiết để tiến hành điều tra nhưng vẫn không xác định được đối tượng phạm tội. Trong khi đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 229 BLTTHS về tạm đình chỉ điều tra thì: *"... Khi chưa xác định được bị can hoặc không biết rõ bị can đang ở đâu nhưng đã hết thời hạn điều tra vụ án..."*; điểm b khoản 1 Điều 230 BLTTHS cũng quy định căn cứ đình chỉ điều tra là *".... Đã hết thời hạn điều tra mà không chứng minh được bị can đã thực hiện tội phạm"* [33]. Thực tiễn đó dẫn đến việc CQĐT "ngại" khởi tố vụ án đối với những vụ việc xảy ra nhưng chưa xác định rõ đối tượng phạm tội về ma túy, điển hình như các trường hợp mặc dù đã thu giữ được ma túy đang trên đường vận chuyển bởi bên trung gian, nhưng không rõ thông tin người gửi cũng như người nhận, mặc dù vụ việc có dấu hiệu tội phạm để hạn chế các trường hợp tạm đình chỉ, đình chỉ vụ án do không chứng minh được đối tượng phạm tội, ảnh hưởng đến thành tích và tỷ lệ giải quyết chung. Mặt khác, thực tiễn vẫn còn nhiều trường hợp *"tội phạm đã xảy ra trên thực tế, cán bộ hoặc cơ quan chức năng đã nắm bắt được vụ việc nhưng do nhiều nguyên nhân khác nhau mà vụ án không được thụ lý, xử lý hình sự"* [78]. Ngoài ra còn nhiều trường hợp "tội phạm ẩn", nghĩa là vụ việc có dấu hiệu tội phạm *"đã xảy ra trên thực tiễn nhưng do nguyên nhân khách quan, cơ quan chức năng không phát hiện ra hành vi phạm tội - không có thông tin về vụ án"* [80]. Vì không nắm bắt được thông tin về tội phạm nên cơ quan chức năng không biết để ra quyết định khởi tố, và dĩ nhiên, những trường hợp này VKS cũng không thể có thông tin để yêu cầu khởi tố. Do đó, ngoài các trường hợp VKS yêu cầu hoặc trực tiếp khởi tố như đã thống kê ở phần trên, thực tế còn nhiều trường hợp có dấu hiệu tội phạm, nhưng vì nhiều lý do khác nhau, cơ quan có thẩm quyền đã không khởi tố vụ án hoặc không biết để ra quyết định khởi tố vụ án. Vì vậy, nhiệm vụ của VKS là phải nâng cao hiệu quả hoạt động trong lĩnh vực này, mặt khác cần phải có những quy định pháp luật đủ "mạnh" để VKS có đủ quyền năng cần thiết trong việc nắm bắt đầy đủ thông tin vụ việc, trên cơ sở đó mới có thể thực hiện tốt nhiệm vụ THQCT việc khởi tố vụ án,

qua đó thực hiện hiệu quả nhiệm vụ "không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội" mà BLTTHS đã quy định.

b) Trong hoạt động THQCT việc khởi tố bị can các vụ án ma túy vẫn còn bộc lộ những hạn chế, thiếu sót.

Việc nghiên cứu hồ sơ trong giai đoạn đầu có những lúc chưa chặt chẽ, dẫn đến phê chuẩn khởi tố bị can chưa đủ căn cứ, không chính xác hoặc không thống nhất với việc khởi tố vụ án, quyết định truy tố không đúng tội danh, bỏ lọt tội phạm... Nhiều KSV chưa nhận thức đúng đắn vai trò của VKS trong việc bảo đảm cho việc khởi tố bị can đúng pháp luật và có căn cứ, còn có nhiều trường hợp chủ quan và ỷ lại vào quan điểm của CQĐT khi xét phê chuẩn khởi tố bị can, khởi tố oan, sai tội danh nhưng không phát hiện ra, dẫn đến phải đình chỉ điều tra do không phạm tội hoặc phải thay đổi quyết định khởi tố bị can theo hướng thay đổi tội danh.

Việc nghiên cứu để quyết định phê chuẩn hay không phê chuẩn quyết định khởi tố bị can đòi hỏi phải thận trọng, khách quan; đòi hỏi phải nghiên cứu chi tiết, toàn diện hệ thống các văn bản pháp luật cũng như các chủ trương về chế độ chính sách của nhà nước về tội phạm ma túy mới có thể xác định rõ bản chất của vụ án, từ đó đưa ra quyết định chính xác về việc phê chuẩn hay không phê chuẩn quyết định khởi tố bị can. Thực tiễn cho thấy, hàng năm vẫn còn có trường hợp khởi tố bị can oan, sai tội danh, không có căn cứ, trái pháp luật, VKS trong quá trình nghiên cứu, xét phê chuẩn không phát hiện ra dẫn đến sau đó phải đình chỉ điều tra vì không phạm tội.

Những trường hợp phải đình chỉ điều tra do không phạm tội không chỉ có trong giai đoạn điều tra mà còn có trong giai đoạn truy tố, nhưng xét đến cùng là do quá trình khởi tố ban đầu của CQĐT và quá trình xét phê chuẩn quyết định khởi tố của VKS còn có thiếu sót, sai lầm. Các trường hợp này chủ yếu là do sai sót trong việc đánh giá chứng cứ; trong việc nhận thức, xác định hành vi của người bị buộc tội hoặc xác định hành vi, vai trò của người bị buộc tội trong vụ án về ma túy có nhiều bị can. Cũng có những trường hợp khởi tố đối với người chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự về hành vi đã thực hiện hoặc khởi tố đối với hành vi đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, khởi tố đối với người thực hiện hành vi đã có quyết định hoặc bản án có hiệu lực pháp luật... Những sai sót như trên của CQĐT không được VKS phát hiện kịp thời, dẫn đến hậu quả không những ảnh hưởng nghiêm trọng đến danh dự, uy tín và các quyền cơ bản của công dân mà còn làm giảm bớt uy tín, niềm tin của nhân dân vào các cơ quan tiến hành tố tụng.

3.4.2.3. Việc đề ra yêu cầu điều tra; yêu cầu CQĐT thực hiện một số hoạt động điều tra

Trong việc đề ra yêu cầu điều tra, vẫn còn một số trường hợp KSV chưa chú trọng việc đề ra yêu cầu điều tra bằng lời nói để bảo đảm kịp thời thu thập các dấu vết, vật chứng, tài liệu và các thông tin khác có ý nghĩa quan trọng trong vụ án. Theo quy định của Thông tư liên tịch số 04/2018, KSV có thể đề ra yêu cầu điều tra bằng lời nói trong trường hợp trực tiếp tham gia các hoạt động điều tra để THQCT, kiểm sát điều tra (khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, khám xét, hỏi cung bị can, lấy lời khai người làm chứng, bị hại, đương sự, đối chất, nhận dạng, thực nghiệm điều tra, nhận biết giọng nói), tuy nhiên, trên thực tế, vẫn còn một số trường

hợp KSV chưa chú trọng việc đề ra yêu cầu điều tra bằng lời nói để bảo đảm kịp thời thu thập các dấu vết, vật chứng, tài liệu và các thông tin khác có ý nghĩa quan trọng trong vụ án.

Một số trường hợp KSV đề ra yêu cầu điều tra yêu cầu điều tra mang tính hình thức hoặc trong một số trường hợp án trọng điểm, phức tạp; vụ án dư luận xã hội đặc biệt quan tâm hoặc có thể phải thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can thì trước khi ký văn bản đề ra yêu cầu điều tra, nhưng do chủ quan và còn xem nhẹ tầm quan trọng của việc đề ra yêu cầu điều tra, KSV đã không báo cáo, xin ý kiến lãnh đạo Viện dẫn đến một số trường hợp nội dung yêu cầu điều tra chưa cụ thể, rõ ràng, chưa sát với nội dung vụ án; chưa nêu được cụ thể những vấn đề cần điều tra mà chưa được làm rõ hoặc còn có mâu thuẫn cũng như chưa định hướng được cho việc thu thập chứng cứ để làm rõ cấu thành tội phạm hoặc những vấn đề phải chứng minh trong vụ án theo quy định tại Điều 85 và Điều 441 BLTTHS.

3.4.2.4. Trong việc thu thập chứng cứ; khám xét, tạm giữ tài liệu, đồ vật khi khám xét

a) Trong việc thu thập chứng cứ

Trong giai đoạn khởi tố, điều tra, hoạt động điều tra thu thập chứng cứ trong một số vụ án vụ án ma tuý vẫn còn nhiều hạn chế do hoạt động thu thập chứng cứ trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án về ma túy chủ yếu được thực hiện bởi cơ quan có thẩm quyền điều tra; với đặc thù của loại tội phạm này, nhiều trường hợp hoạt động thu thập chứng cứ không có sự tham gia trực tiếp của KSV, hoạt động THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra của VKS trong một số trường hợp được thực hiện chưa theo sát được quá trình điều tra dẫn đến vẫn còn tồn tại vi phạm trong quá trình điều tra, thu thập chứng cứ nhưng chậm được khắc phục, chủ yếu là các vi phạm về trình tự, thủ tục thu thập chứng cứ, thu thập dấu vết, vật chứng, lập hồ sơ vụ án, bảo đảm các quyền của những người bị buộc tội trong quá trình bắt giữ, thu thập chứng cứ; việc thu thập tài liệu, chứng cứ ở một số vụ án chưa khoa học, chưa đầy đủ, như việc lập biên bản phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng; có vụ án nội dung, chứng cứ, tài liệu phản ánh chưa đầy đủ với thực tế của sự việc dẫn đến việc khó khăn cho việc đấu tranh, điều tra sau này.

b) Trong việc khám xét, tạm giữ tài liệu, đồ vật khi khám xét

Có trường hợp có căn cứ để nhận định trong người, chỗ ở, nơi làm việc, địa điểm, phương tiện có công cụ, phương tiện phạm tội, tài liệu, đồ vật, tài sản do phạm tội mà có hoặc đồ vật, dữ liệu điện tử, tài liệu khác có liên quan đến vụ án nhưng KSV lại không yêu cầu CQĐT tiến hành khám xét.

3.4.2.5. Việc quyết định áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn; quyết định phê chuẩn, không phê chuẩn việc áp dụng một số biện pháp ngăn chặn của CQĐT vẫn còn một số hạn chế

Việc quyết định áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn; quyết định phê chuẩn, không phê chuẩn việc áp dụng một số biện pháp ngăn chặn của CQĐT vẫn còn nhiều hạn chế, trong đó có một phần hạn chế từ hoạt động THQCT của VKS. Nhiều VKSND các địa phương chưa thực hiện tốt, còn để xảy ra tình trạng lạm dụng bắt khẩn cấp, lạm dụng tạm giữ hình sự nhưng sau đó phải trả tự do. Nhiều vụ án CQĐT đã ra lệnh bắt khẩn cấp, Viện kiểm sát đã phê chuẩn, nhưng sau đó phải trả tự do cho đối tượng bị bắt vì không có đủ căn cứ để khởi tố bị can về tội phạm liên quan đến ma túy. Ngoài ra, còn có trường hợp đã khởi tố vụ án, khởi tố

bị can, lẽ ra CQĐT phải đề nghị Viện kiểm sát phê chuẩn lệnh bắt, tạm giam bị can, nhưng CQĐT đã ra lệnh bắt khẩn cấp đối tượng. Có nhiều trường hợp đã tạm giữ 3 ngày, sau đó vừa xin phê chuẩn gia hạn tạm giữ, vừa xin phê chuẩn bắt khẩn cấp hoặc có vụ án do khởi tố sai tội danh, xác định sai loại tội phạm từ tội phạm ít nghiêm trọng thành tội phạm nghiêm trọng hoặc rất nghiêm trọng.

3.4.2.6. Chất lượng thực hành quyền công tố trong việc trưng cầu giám định vẫn còn một số tồn tại hạn chế

Vẫn còn có trường hợp bắt buộc phải giám định để làm căn cứ xác định chất ma tuý trước khi ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, là căn cứ quan trọng quyết định cho việc khởi tố vụ án hoặc không khởi tố vụ án hình sự; mặc dù Cơ quan có thẩm quyền không ra quyết định trưng cầu giám định nhưng VKS không kịp thời yêu cầu tiến hành trưng cầu giám định, cũng không trực tiếp ra quyết định trưng cầu giám định theo thẩm quyền thuộc các quy định nêu trên.

3.4.2.7. Vẫn còn trường hợp vụ án phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung có thể do những nguyên nhân khách quan như: xuất hiện tình tiết mới; sau khi kết thúc điều tra bị can phản cung hoặc cung cấp chứng cứ mới về tội phạm, người đồng phạm khác; xuất hiện chứng cứ mới về tuổi, năng lực chịu trách nhiệm hình sự của bị can mà trước đó không thể biết được... Tuy nhiên, bên cạnh những nguyên nhân khách quan nêu trên, thực tế cho thấy tình trạng trả hồ sơ điều tra bổ sung do lỗi của các cơ quan tiến hành tố tụng vẫn còn, trong đó có một phần lỗi của các KSV không bám sát hoạt động cũng như tiến độ điều tra, không kịp thời phát hiện thiếu sót, vi phạm để đề ra yêu cầu điều tra, yêu cầu CQĐT khắc phục, dẫn đến phải trả hồ sơ điều tra bổ sung, thậm chí có nhiều vụ án phải trả hồ sơ điều tra bổ sung nhiều lần.

Mặc dù số lượng án phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong các vụ án ma túy thấp hơn so với các loại tội phạm khác hoặc so với số liệu tổng thể án hình sự, mặt khác, có nhiều vụ án phải trả hồ sơ điều tra bổ sung do nguyên nhân khách quan, tuy nhiên, vẫn cần phải xác định và ghi nhận về mặt tồn tại hạn chế này, điều đó một phần phản ánh chất lượng công tác THQCT còn hạn chế, nhiều trường hợp phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung nhiều lần, kéo dài việc giải quyết vụ án, làm mất thời gian và lãng phí, ảnh hưởng đến quyền lợi của bị can, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan... .

3.5. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

Những tồn tại, hạn chế mà luận án đã chỉ ra xuất phát từ các nhóm nguyên nhân sau: (1) Nguyên nhân từ hạn chế về trình độ, nhận thức và ý thức trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, Kiểm sát viên; (2) Hạn chế về công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của Viện kiểm sát nhân dân các cấp; (3) Công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về THQCT trong điều tra các tội phạm về ma túy cho Kiểm sát viên còn một số hạn chế và chưa được quan tâm đúng mức; (4) Hoạt động phối hợp liên ngành trong hoạt động điều tra và THQCT việc khởi tố, điều tra các tội phạm về ma túy còn hạn chế; (5) Cán bộ, Kiểm sát viên làm nhiệm vụ THQCT trong điều tra các tội phạm về ma túy còn thiếu rất nhiều so với số lượng án phải thụ lý; (6) *Chế độ đãi ngộ và cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ hoạt động THQCT trong điều tra các tội phạm về ma túy còn hạn chế*; (7) *Nguyên nhân từ những vướng mắc, bất bất của hệ thống pháp luật*

Chương 4

YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ TRONG GIAI ĐOẠN KHỞI TỐ, ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN MA TÚY TRÊN ĐỊA BÀN CÁC TỈNH BIÊN GIỚI VIỆT NAM - LÀO

4.1. Yêu cầu thực hành quyền công tố trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án về ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào

Các yêu cầu cơ bản đặt ra đối với hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án ma túy tại khu vực biên giới Việt Nam – Lào gồm:

4.1.1. Yêu cầu cải cách tư pháp

4.1.2. Yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào

4.1.3. Yêu cầu bảo đảm quyền con người trong tố tụng hình sự

4.1.4. Yêu cầu gắn với nội dung tăng cường hơn nữa trách nhiệm của Viện kiểm sát mà trực tiếp là cán bộ, Kiểm sát viên

4.1.5. Yêu cầu hoạt động thực hành quyền công tố phải trên cơ sở tổng kết thực tiễn và bảo đảm tính khả thi

4.1.6. Yêu cầu tăng cường hợp tác quốc tế trong thực hành quyền công tố đối với các vụ án ma túy tại khu vực biên giới Việt Nam – Lào

4.2. Giải pháp về thực hành quyền công tố trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào

Luận án đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án ma túy tại khu vực biên giới Việt Nam – Lào. Các giải pháp được xây dựng trên cơ sở tổng kết thực tiễn, phù hợp với yêu cầu cải cách tư pháp và nhiệm vụ đấu tranh phòng, chống tội phạm. Trong đó, nội dung cụ thể được trình bày trong các tiểu mục sau:

4.2.1. Tăng cường vai trò lãnh đạo của Lãnh đạo Viện kiểm sát hai cấp trên địa bàn trong công tác chỉ đạo, điều hành và tổng kết rút kinh nghiệm nghiệp vụ về thực hành quyền công tố trong khởi tố, điều tra các tội phạm về ma túy

4.2.2. Đổi mới công tác tổ chức và cán bộ của ngành Kiểm sát nhân dân

4.2.3. Tăng cường và đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, Kiểm sát viên làm công tác THQCT trong khởi tố, điều tra các tội phạm về ma túy

4.2.4. Nâng cao, đổi mới phương pháp thực hành quyền công tố

4.2.5. Tăng cường trang bị cơ sở, vật chất và bảo đảm chế độ đãi ngộ cho ngành Kiểm sát nhân dân

4.2.6. Tăng cường quan hệ phối hợp giữa Viện kiểm sát nhân dân với Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra

4.2.7. Tiếp tục tăng cường chỉ đạo đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy trên toàn tuyến biên giới

4.2.8. Tăng cường hợp tác quốc tế trong điều tra và thực hành quyền công tố đối với tội phạm ma túy xuyên biên giới

4.2.9. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục pháp luật và phòng, chống tội phạm ma túy tại khu vực biên giới

4.2.10. Hoàn thiện pháp luật hình sự về các tội phạm ma túy

4.2.11. Hoàn thiện quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự trong giai đoạn khởi tố, điều tra

KẾT LUẬN

Luận án *"Thực hành quyền công tố trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án về ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam – Lào"* đã nghiên cứu toàn diện, chuyên sâu, có hệ thống các vấn đề lý luận, pháp luật và thực tiễn liên quan đến hoạt động THQCT, một giai đoạn tố tụng mang tính nền tảng, có ý nghĩa quyết định đến tính đúng đắn, hợp pháp và hiệu quả của toàn bộ quá trình xử lý vụ án hình sự, đặc biệt trong các vụ án về ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới giáp Lào, một địa bàn trọng điểm, nhạy cảm, phức tạp và có tính xuyên quốc gia.

Luận án đã xác lập được nền tảng lý luận rõ ràng về THQCT trong TTHS nói chung và trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án ma túy nói riêng. Trên cơ sở tiếp cận đa chiều, chúng tôi đã làm rõ khái niệm, đặc điểm, bản chất, phạm vi, đối tượng, nội dung, hình thức, phương thức và chủ thể của hoạt động THQCT. Đồng thời, luận án cũng đã làm rõ khái niệm, đặc điểm của tội phạm ma túy, tính chất phức tạp của các vụ án về ma túy, nhất là các vụ án có yếu tố nước ngoài, có tổ chức, có sự cấu kết xuyên biên giới. Đồng thời, luận án cũng đã đối chiếu, so sánh chính sách pháp luật giữa Việt Nam và Lào về tội phạm ma túy, một yếu tố tác động sâu sắc đến hoạt động THQCT đối với các tội phạm về ma tuý trên địa bạn các tỉnh biên giới Việt Nam - Lào. Từ đó xác định những yêu cầu đặc thù đối với hoạt động THQCT trong bối cảnh khu vực biên giới Việt Nam – Lào. Về phương diện pháp lý, luận án đã hệ thống hóa, phân tích và đánh giá toàn diện các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về tổ chức và hoạt động THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án hình sự, trong đó có án ma túy.

Trên cơ sở khảo sát thực tiễn hoạt động của VKSND hai cấp trên địa bàn…, luận án đã chỉ ra được những kết quả tích cực, cũng như những tồn tại, hạn chế trong THQCT. Những hạn chế này xuất phát từ nhiều nguyên nhân: cả khách quan như sự gia tăng phức tạp của tội phạm, điều kiện địa bàn, thiếu cơ chế phối hợp quốc tế hiệu quả; và chủ quan như sự chênh lệch về năng lực chuyên môn, kinh nghiệm thực tiễn, áp lực biên chế, hạn chế về cơ sở vật chất, hay chưa có chính sách chuyên sâu về đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho KSV chuyên trách trong lĩnh vực này. Việc phân tích nguyên nhân được luận án thực hiện một cách khoa học, khách quan và có căn cứ thực tiễn sâu sát, tạo cơ sở chặt chẽ cho phần giải pháp.

Một trong những đóng góp quan trọng nhất của luận án là hệ thống giải pháp toàn diện, thực tiễn và khả thi nhằm nâng cao chất lượng hoạt động THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án về ma túy tại địa bàn biên giới Việt Nam – Lào. Các giải pháp không chỉ giới hạn

trong phạm vi hoàn thiện pháp luật mà còn chú trọng đến yếu tố tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ KSV, đổi mới phương pháp công tác, tăng cường hợp tác quốc tế, nâng cao hiệu quả phối hợp liên ngành, ứng dụng công nghệ thông tin và cải thiện điều kiện bảo đảm cho hoạt động nghiệp vụ. Đặc biệt, luận án đã đưa ra những kiến nghị cụ thể gắn với điều kiện thực tế về biên chế, chính sách đãi ngộ, chế độ tập huấn và phân công cán bộ theo hướng chuyên sâu, đáp ứng yêu cầu chất lượng công tố trong điều tra các vụ án ma túy, vốn đòi hỏi trình độ pháp lý, năng lực phân tích chứng cứ và bản lĩnh chính trị cao.

Kết quả nghiên cứu của luận án không chỉ có giá trị lý luận trong việc làm rõ những khía cạnh lý luận cốt lõi và đặc thù của THQCT trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án ma túy, mà còn có giá trị thực tiễn sâu sắc đối với VKSND cũng như các cơ quan thực thi pháp luật, nhất là trong bối cảnh Đảng và Nhà nước ta đang quyết liệt triển khai đồng bộ, mạnh mẽ các chiến lược to lớn để đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới – kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, trong đó có chiến lược cải cách tư pháp, đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tội phạm có tổ chức, xuyên quốc gia cùng với yêu cầu đảm bảo tốt hơn quyền con người trong TTHS.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Vy Quốc Phát (2021*), Đánh giá sự phù hợp của pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế về bảo đảm quyền của người dưới 18 tuổi trong tố tụng hình sự và một số kiến nghị hoàn thiện*, Tạp chí Khoa học Kiểm sát, số 05, tr. 62-68, ISSN 2354-063X.
2. Vy Quốc Phát (2024), *Một số vướng mắc, bất cập của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về giai đoạn khởi tố, điều tra và đề xuất sửa đổi, bổ sung*, Tạp chí Khoa học Kiểm sát, số 07, tr. 26-30, ISSN 2354-063X.
3. Vy Quốc Phát (2024), *Hoàn thiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về khởi tố, điều tra vụ án hình sự*, Tạp chí Kiểm sát, số 16, tr. 3-8, ISSN 0866-7357.
4. Vy Quốc Phát (đồng tác giả) (2024*), Quy định pháp luật của một số quốc gia trên thế giới về hình phạt tử hình, thi hành án tử hình và khuyến nghị đối với Việt Nam*, Tạp chí Kiểm sát, số 09, tr. 46-56, ISSN 0866-7357.
5. Vy Quốc Phát (2024), *Một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án về ma túy trên địa bàn các tỉnh biên giới Việt Nam - Lào*, Tạp chí Khoa học Kiểm sát, số 09, tr. 28-33, ISSN 2354-063X.
6. Vy Quốc Phát (2024), *Quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra – những bất cập và kiến nghị hoàn thiện*, Tạp chí Kiểm sát, số chuyên đề tháng 11, tr. 28-34, ISSN 0866-7357.
7. Vy Quốc Phát (đồng tác giả) (2025), *Hoàn thiện một số quy định của Bộ luật Hình sự về hình phạt và biện pháp tư pháp,* Tạp chí Kiểm sát, số 08, tr. 23-28, ISSN 0866-7357.